TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hanh phúc**
Số: 42/2023/QĐST- HNGĐ	*V, ngày 23 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2023/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Xuân L, xã Gia T, huyện V, tỉnh N

- ***Bị đơn****:* Anh Nguyễn Danh Q, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Xuân L, xã Gia T, huyện V, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 352, 353, 357 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Xuân L, xã Gia T, huyện V, tỉnh N

- ***Bị đơn****:* Anh Nguyễn Danh Q, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Xuân L, xã Gia T, huyện V, tỉnh N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Danh Q cùng xác nhận vợ chồng có một con chung cháu là: Nguyễn Anh T, sinh ngày 04/01/2019. Chị T anh Q thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Nguyễn Anh T cho

chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Danh Q phải có nghĩa cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng /01 tháng. Kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu Nguyễn Anh T đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, ng□ời không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai đ□ợc cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ không trả hoặc chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Danh Q xác nhận vợ chồng tự thống nhất thoả thuận không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy về tài sản chung, công nợ chung Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0004135 ngày 19/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh N.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- THA dân sự huyện V;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- UBND xã Gia T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành